

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HN-ST

Ngày: 08-01-2025

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn,
nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Sử Văn Trai Em

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang -
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 452/2024/TLST - HNGĐ, ngày 16/10/2024, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 595/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thuý L, sinh năm 2002; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Văn phòng Luật sư V – Chi nhánh Mỏ Cày.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Duy T, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị L, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/10/2024, trong quá trình tố tụng, chị Lê Thị Thuỳ L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Huỳnh Duy T. Lý do: Chị và anh T do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Lê Gia B, sinh ngày 16/3/2023 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Huỳnh Duy T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Không còn yêu cầu nào khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày tại Bài tranh luận, ngày 08/01/2025:

Hôn nhân của chị Lê Thị Thuỳ L và anh Huỳnh Duy T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là có căn cứ, tình cảm vợ chồng không còn. Thấy rằng mục đích hôn nhân đã không đạt được, Chị L xin ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để Chị L trực tiếp nuôi con và chấp nhận mức cấp dưỡng mà Chị L yêu cầu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, đề nghị không xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Duy T vắng mặt tại phiên tòa không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng. Bị đơn vắng mặt không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thuỳ L; Con chung: Huỳnh Lê Gia B, sinh ngày 16/3/2023 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị Lê Thị Thuỳ L được trực tiếp nuôi con và buộc anh Huỳnh Duy T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho

đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thuỳ L trình bày không có, anh Huỳnh Duy T vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Thuỳ L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Lê Thị Thuỳ L là nguyên đơn (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư Nguyễn Văn H), anh Huỳnh Duy T là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Lê Thị Thuỳ L và ông Nguyễn Văn H vắng mặt có đơn xin vắng, anh Huỳnh Duy T vắng mặt lần thứ 2 không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thuỳ L, thấy rằng:

Chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T vắng mặt không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương nơi anh T cư trú cho biết thông tin: Hôn nhân của anh T và Chị L có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Sau khi cưới, Chị L về sống chung với gia đình anh T được khoảng 01 thời gian. Anh chị có 01 con chung, hiện tại không thấy sống cùng anh T. Anh T hiện đang đi làm công nhân, thường xuyên vắng nhà vào giờ hành chính. Về thu nhập cụ thể của anh T, địa phương không rõ. Địa phương cũng không rõ mâu thuẫn vợ chồng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị L và anh T là có thật. Nguyên nhân theo Chị L bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung nhưng không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh T không đến, điều đó chứng minh anh T không có ý muốn hoà giải đoàn tụ với Chị L. Nay Chị L vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Huỳnh Lê Gia B, sinh ngày 16/3/2023. Khi ly hôn, Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Thấy rằng con chưa đủ 36 tháng tuổi, đang sống chung với mẹ, gần gũi và cần mẹ chăm sóc hơn nên để Chị L trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị L cho rằng hiện nay chị thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng, riêng phần thu nhập của anh T thì Chị L không chứng minh được. Thấy rằng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là của người không trực tiếp nuôi con khi ly hôn để đảm bảo quyền lợi của con nên buộc anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, quy định mức cấp dưỡng không được thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Thấy rằng, theo quy định tại Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ thì huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thuộc vùng III, có mức lương tối thiểu vùng là 3.860.000 đồng/tháng. Đối chiếu quy định của pháp luật, xét thấy mức yêu cầu của Chị L với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L trình bày không có, anh T vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị L trình bày không có, anh T vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

Xét lời bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, Chị L chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thuỳ L.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị Thuỳ L được ly hôn với anh Huỳnh Duy T.

2. Về con chung: Huỳnh Lê Gia B, sinh ngày 16/3/2023. Khi ly hôn, chị Lê Thị Thuỳ L được trực tiếp nuôi con. Buộc anh Huỳnh Duy T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), cấp từng tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Thuỳ L trình bày không có, anh Huỳnh Duy T vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Thuỳ L trình bày không có; anh Huỳnh Duy T vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Lê Thị Thuỳ L phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003861 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Huỳnh Duy T chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng